

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 3 - 2026

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Hưng

Bà Lê Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bàn Văn T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lý Thị C, sinh năm 1994

Nơi cư trú: khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bàn Văn T trình bày:

Anh và chị Lý Thị C đăng ký kết hôn ngày 09/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang).

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn C, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống đến tháng 4/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con dẫn đến những bất đồng trong cuộc sống hôn nhân, không thể giải quyết được.

Nay anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị C.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị Lý Thị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Lý Thị C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Lý Thị C không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – chị Lý Thị C, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị C nhưng chị C không đến làm việc, chỉ gửi Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị C đồng ý ly hôn với anh Bàn Văn T và xác nhận quá trình chung sống chị và anh T không có con chung, không có tài sản chung và không vay nợ chung. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn – anh Bàn Văn T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn – chị Lý Thị C có nơi cư trú tại khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Việc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận và thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại Điều 227; Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C kết hôn với nhau là hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang), do đó quan hệ hôn nhân của anh T và chị C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Bàn Văn T thì thấy:

Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân là do vợ chồng kết hôn đã 02 năm mà không có con chung dẫn đến phát sinh bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Anh T1 cũng xác nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau nên anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đối với bị đơn – chị Lý Thị C, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị C đến làm việc nhưng chị C đều vắng mặt vì lý do công việc và đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với anh Bàn Văn T, đề nghị Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung:

Anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung:

Anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: anh Bàn Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bàn Văn T, anh Bàn Văn T được ly hôn chị Lý Thị C.

Về con chung: anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Bàn Văn T và chị Lý Thị C không vay nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Bàn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/12/2025 theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002289 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ninh;
- UBND xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang (ĐKKH số 37 ngày 09/10/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hưng – Lê Thị Xuân Hương

Nguyễn Thu Hương